

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3724**/UBND-TH

Quảng Trị, ngày **28** tháng 7 năm 2026

KỊCH BẢN

**Tăng trưởng và các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm
thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP 6 tháng cuối năm 2026**

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Năm 2026 là năm đầu triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030. Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, xung đột địa chính trị kéo dài, giá năng lượng và nguyên vật liệu biến động mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh chịu nhiều tác động bất lợi.

Ngay từ đầu năm, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là thực hiện kịch bản tăng trưởng GRDP 10,6%; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; đẩy nhanh giải ngân đầu tư công; thúc đẩy các dự án động lực về năng lượng, công nghiệp, hạ tầng giao thông và logistics.

1. Sáu tháng đầu năm 2026, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tăng 8,10% so với cùng kỳ năm trước¹. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,94%, đóng góp 0,76 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,36%, đóng góp 3,07 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,91%, đóng góp 3,95 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 8,58% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 0,32 điểm phần trăm trong tăng trưởng kinh tế toàn tỉnh.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu 2026 đạt khá cao nhờ có sự đóng góp quan trọng của khu vực dịch vụ (khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng 50,31% trong tổng số GRDP, đóng góp 3,95 điểm phần trăm vào tăng trưởng); đứng thứ hai về mức độ đóng góp là khu vực công nghiệp và xây dựng, đóng góp 3,07 điểm phần trăm; bên cạnh đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cũng đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn so với cùng kỳ.

Tăng trưởng 6 tháng đầu năm 2026 thấp hơn 0,30 điểm phần trăm so với kịch bản điều chỉnh sau quý I (8,40%) nhưng cao hơn 0,39 điểm phần trăm so với kịch bản đầu năm (7,71%). Kết quả trên cho thấy nền kinh tế của tỉnh tiếp tục duy trì đà phục hồi, nhiều ngành lĩnh vực có chuyển biến tích cực, nhất là công nghiệp năng lượng, xây dựng và dịch vụ. Tuy nhiên, mức tăng trưởng hiện tại vẫn thấp hơn đáng kể so với yêu cầu để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm 10,6%, tạo áp lực rất lớn cho 6 tháng cuối năm.

¹ Cao hơn 0,53 điểm phần trăm so với mức tăng 7,57% cùng kỳ năm 2025, đứng thứ 23/34 tỉnh, thành phố cả nước.

2. Phân tích theo khu vực kinh tế

- *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản* tăng 3,94%, vượt 0,53 điểm phần trăm so với kịch bản cập nhật Quý I (3,41%) và vượt 0,66 điểm phần trăm so với kịch bản đầu năm (3,28%). Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi; sản lượng cây trồng chủ lực được duy trì ổn định, vụ Đông Xuân đạt năng suất khá; chăn nuôi phát triển khá, dịch bệnh trên đàn vật nuôi được kiểm soát tốt; nuôi trồng và khai thác thủy sản tiếp tục tăng trưởng. Khu vực này tiếp tục phát huy vai trò là bộ đỡ của nền kinh tế, đóng góp tích cực vào tăng trưởng GRDP của tỉnh.

- *Khu vực công nghiệp - xây dựng* tăng 11,36% vượt mức kịch bản đầu năm (10,62%) nhưng thấp hơn 0,33 điểm% so với mục tiêu kịch bản cập nhật Quý I (11,69%). Đây vẫn là khu vực đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng GRDP của tỉnh.

Trong đó, ngành công nghiệp tăng 10,88%, thấp hơn 0,33 điểm phần trăm so với kịch bản cập nhật Quý I (11,21%) nhưng cao hơn 1,21 điểm phần trăm so với kịch bản đầu năm. Thấp hơn mức dự kiến chủ yếu do ngành sản xuất và phân phối điện không đạt kế hoạch, mặc dù ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao; chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 8,8%. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò động lực chính, tăng 10,8%; khai khoáng tăng 7,2%; sản xuất và phân phối điện tăng 4,8%; cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,7%. Hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục chịu áp lực từ chi phí đầu vào, vận tải, logistics, giá điện, xăng dầu, than và nguyên vật liệu nhập khẩu; đồng thời, một số dự án năng lượng trọng điểm chậm, giãn tiến độ, chưa bổ sung năng lực sản xuất mới theo kế hoạch. Cụ thể, Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I đã hoàn thành đốt than lần đầu tổ máy số 1 ngày 06/5/2026, nhưng tiến độ phát điện thương mại tiếp tục được điều chỉnh: tổ máy số 1 từ tháng 5/2026 sang tháng 7/2026 và theo cập nhật mới nhất sang tháng 10/2026, chậm 6 tháng so với kế hoạch ban đầu; tổ máy số 2 điều chỉnh từ tháng 10/2026 sang tháng 12/2026, chậm 2 tháng. Dự án Thủy điện La Trọng đã được UBND tỉnh cấp giấy phép hoạt động điện lực số 167/GP-UBND ngày 24/6/2026; hiện đang tiến hành hiệu chỉnh thiết bị, chạy thử nghiệm 72h và phải lùi thời gian vận hành phát điện thương mại từ tháng 4/2026 sang tháng 9/2026". Dự án điện gió LIG - Hướng Hóa 1 điều chỉnh tiến độ phát điện thương mại từ tháng 6/2026 sang tháng 6/2027, do đó không còn khả năng bổ sung sản lượng điện theo kế hoạch năm 2026. Việc chậm tiến độ các dự án nêu trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng ngành công nghiệp trong 6 tháng đầu năm, đồng thời làm giảm đáng kể dự địa tăng trưởng công nghiệp và khả năng hoàn thành kịch bản tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm 2026.

Ngành xây dựng tăng 12,01%, thấp hơn 0,42 điểm phần trăm so với kịch bản cập nhật Quý I (12,43%) nhưng vẫn vượt 0,43 điểm phần trăm so với kịch bản đầu năm (11,58%); việc giữ mức tăng khá nhờ tiến độ triển khai các công trình hạ tầng, dự án đầu tư công và các dự án khu công nghiệp, khu đô thị được đẩy mạnh.

- *Khu vực dịch vụ* tăng 7,91% cơ bản đạt kịch bản đầu năm nhưng thấp hơn kịch bản cập nhật Quý I (8,47%) là 0,56 điểm phần trăm. Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tiếp tục duy trì ổn định; nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng được bảo đảm, không xảy ra khan hiếm hàng hóa, đầu cơ, găm hàng hoặc tăng giá bất hợp lý. Tổng mức bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm 2026 ước tăng 11,6% so với cùng kỳ; trong đó nhóm lương thực, thực phẩm tăng 11,8%, nhóm gỗ và vật liệu xây dựng tăng 12,3%, nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 11,3% và nhóm xăng dầu tăng 11,5%.

Khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn (trên 50% trong quy mô GRDP), mặc dù tăng trưởng tốt ở một số ngành về tổng thu từ khách du lịch (10,29%), tổng mức bán lẻ (9,98%), doanh thu các ngành hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ (9,16%), nhưng ngành hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc) quý II năm 2026 giảm (-0,28%) so với cùng kỳ năm 2025, chủ yếu do Quý II/2025 phát sinh các khoản chi lớn để thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong quá trình sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Các khoản chi trả chế độ nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc và các chính sách hỗ trợ liên quan đã làm giá trị tăng thêm của ngành trong quý II/2025 tăng cao nên quý II/2025 có mức nền tương đối cao. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy làm giảm một số khoản chi thường xuyên và giảm số lượng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong quý II/2026, qua đó làm giảm giá trị tăng thêm của ngành so với cùng kỳ năm trước.

- *Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm* tăng 8,58%, vượt 0,69 điểm phần trăm so với kịch bản cập nhật Quý I và vượt 1,22 điểm phần trăm so với kịch bản đầu năm, phản ánh sự phục hồi của hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trên địa bàn.

3. Theo các ngành kinh tế cấp I, có 08/20 ngành đạt hoặc vượt kịch bản cập nhật Quý I, gồm nông, lâm nghiệp và thủy sản (+0,53 điểm phần trăm); khai khoáng (+0,64 điểm phần trăm); công nghiệp chế biến, chế tạo (+2,69 điểm phần trăm); bán buôn, bán lẻ (+0,51 điểm phần trăm); dịch vụ lưu trú và ăn uống (+0,34 điểm phần trăm); cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải (+0,61 điểm phần trăm); thông tin và truyền thông (+1,59 điểm phần trăm); hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (+0,27 điểm phần trăm); hoạt động kinh doanh bất động sản (+ 0,23 điểm phần trăm).

Có 12/20 ngành tăng trưởng thấp hơn kịch bản, gồm: Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; xây dựng; Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; Vận tải kho bãi; Dịch vụ lưu trú và ăn uống; Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ; Hoạt động của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng và bảo đảm xã hội bắt buộc; Giáo

dục và đào tạo; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội; Nghệ thuật, vui chơi và giải trí; Hoạt động dịch vụ khác; Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình. Trong đó, mức thấp nhất là Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí (thấp hơn 4,21 điểm phần trăm); Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc (thấp hơn 2,74 điểm phần trăm).

Nhìn chung, kết quả tăng trưởng 6 tháng đầu năm cho thấy các động lực tăng trưởng chủ yếu của nền kinh tế tiếp tục đến từ công nghiệp chế biến, chế tạo, khai khoáng, xây dựng, nông nghiệp và thương mại. Tuy nhiên, sự tăng trưởng thấp hơn dự kiến của ngành sản xuất và phân phối điện, cùng với một số ngành dịch vụ như vận tải, lưu trú và ăn uống, đã làm tốc độ tăng GRDP chung thấp hơn kịch bản cập nhật Quý I. Đây sẽ là những lĩnh vực cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy mạnh trong 6 tháng cuối năm nhằm tạo thêm dư địa tăng trưởng, bảo đảm hoàn thành mục tiêu GRDP cả năm 2026 đạt 10,6%.

II. CẬP NHẬT TÌNH HÌNH VÀ KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Cập nhật tình hình và các yếu tố tác động

1.1. Thuận lợi

Trong 6 tháng cuối năm 2026, nền kinh tế của tỉnh tiếp tục được hưởng lợi từ định hướng điều hành của Chính phủ Việt Nam với trọng tâm ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng cao gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Chính phủ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, cải cách thủ tục hành chính và hỗ trợ phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, trong đó có tỉnh, thúc đẩy tăng trưởng trong các tháng cuối năm.

Nhiều dự án động lực, có tính lan tỏa lớn trên địa bàn tỉnh đang được tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai, đặc biệt trong các lĩnh vực năng lượng, hạ tầng giao thông, logistics, công nghiệp và phát triển khu kinh tế. Các dự án điện gió, điện mặt trời, hạ tầng truyền tải điện, cùng với các công trình giao thông chiến lược kết nối liên vùng và hạ tầng tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị được kỳ vọng sẽ tạo thêm năng lực sản xuất mới, tăng nhu cầu vật liệu xây dựng, vận tải và lao động, qua đó đóng góp tích cực cho khu vực công nghiệp - xây dựng.

Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng tích cực. Tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng, vận tải và lưu trú được dự báo tiếp tục cải thiện nhờ sức mua tăng dần, hoạt động sản xuất kinh doanh khởi sắc hơn. Lĩnh vực du lịch có triển vọng tăng trưởng tốt trong mùa cao điểm cuối năm, nhất là du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh và du lịch biển. Hoạt động logistics, xuất nhập khẩu và thương mại biên giới tiếp tục được thúc đẩy, trong đó hoạt động lưu chuyển hàng hóa qua các cửa khẩu quốc tế, đặc biệt là Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, góp phần phát huy lợi thế của tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây, mở rộng giao thương và phát triển các dịch vụ hỗ trợ thương mại



trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, việc triển khai các chương trình phát triển thị trường trong nước và Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” tiếp tục hỗ trợ kết nối cung cầu, tiêu thụ hàng hóa và mở rộng thị trường.

Định hướng phát triển không gian kinh tế theo trục “vươn Đông, tỏa Tây” đang từng bước phát huy hiệu quả rõ nét. Khu vực phía Đông với lợi thế về cảng biển, năng lượng, công nghiệp và kinh tế biển đang dần trở thành cực tăng trưởng quan trọng; trong khi khu vực phía Tây tiếp tục phát huy vai trò cửa ngõ giao thương quốc tế trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây, tạo điều kiện mở rộng không gian phát triển, thu hút đầu tư và thúc đẩy liên kết vùng.

1.2. Khó khăn

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi, tăng trưởng kinh tế 6 tháng cuối năm vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng tại một số dự án trọng điểm vẫn còn chậm, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ triển khai dự án, đặc biệt là các công trình hạ tầng giao thông, năng lượng và khu công nghiệp. Đây tiếp tục là điểm nghẽn lớn tác động đến khả năng hấp thụ vốn đầu tư và tốc độ hình thành năng lực sản xuất mới.

Một số thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, quy hoạch, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất và cho thuê đất vẫn còn kéo dài do vướng mắc về trình tự pháp lý, sự chồng chéo giữa các quy định pháp luật và quá trình phối hợp xử lý giữa các cơ quan liên quan. Điều này làm gia tăng thời gian chuẩn bị đầu tư, ảnh hưởng đến tiến độ khởi công cũng như giải ngân các dự án đầu tư ngoài ngân sách.

Chi phí đầu vào của doanh nghiệp vẫn ở mức cao, nhất là nguyên vật liệu, vận tải, logistics, điện, xăng dầu và lãi suất vay vốn. Một số doanh nghiệp còn khó khăn về vốn lưu động, khả năng tiếp cận tín dụng, đơn hàng, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ; sức mua phục hồi chưa đồng đều. Yêu cầu của thị trường xuất khẩu ngày càng cao về chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn kỹ thuật và thời gian giao hàng, làm tăng chi phí tuân thủ và áp lực đổi mới công nghệ, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhưng chưa tạo được nhiều ngành trụ cột có giá trị gia tăng lớn. Số lượng dự án quy mô lớn có khả năng tạo bứt phá về tăng trưởng chưa nhiều; các động lực tăng trưởng mới vẫn đang trong giai đoạn hình thành, chưa phát huy đầy đủ hiệu quả trong ngắn hạn. Điều này khiến dư địa tăng trưởng cao trong nửa cuối năm phụ thuộc lớn vào khả năng tăng tốc của các dự án hiện hữu.

Theo kết luận tại buổi làm việc giữa Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và tỉnh Quảng Trị ngày 03/7/2026, Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I tiếp tục điều chỉnh tiến độ: tổ máy số 1 dự kiến phát điện thương mại tháng 10/2026, tổ máy số 2 tháng 12/2026. Dự án Thủy điện La Trọng điều chỉnh thời gian vận hành từ tháng 4/2026 sang tháng 9/2026; Dự án điện gió LIG - Hướng Hóa 1 điều chỉnh từ tháng 6/2026 sang tháng 6/2027; Dự án điện gió Hướng Phùng 1 điều chỉnh từ tháng 11/2026 sang quý I/2027. Việc chậm tiến độ các dự án nêu trên làm giảm năng lực sản xuất mới và ảnh hưởng trực tiếp đến tăng trưởng công nghiệp.



Theo kế hoạch, sản lượng điện phát thương mại của riêng Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I năm 2026 dự kiến đạt 2.046 triệu kWh; tuy nhiên, do điều chỉnh tiến độ, sản lượng dự kiến chỉ đạt khoảng 638 triệu kWh, bằng 31% kế hoạch. Tổng sản lượng điện sản xuất toàn tỉnh năm 2026 dự kiến đạt khoảng 4.428/5.836 triệu kWh kế hoạch; giá trị tăng thêm ngành sản xuất và phân phối điện dự kiến đạt 6.400 tỷ đồng, tăng khoảng 6% so với năm 2025, thấp hơn nhiều so với kịch bản tăng 41,87%.

Trên cơ sở rà soát tiến độ các dự án sản xuất công nghiệp và năng lượng, giá trị tăng thêm công nghiệp năm 2026 dự kiến đạt 17.342 tỷ đồng, tăng khoảng 7,8% so với năm 2025, không đạt kịch bản tăng 21,27%. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo dự kiến đạt 9.578 tỷ đồng, tăng khoảng 10,09%, vượt kịch bản 9,25%; công nghiệp khai khoáng và công nghiệp nước, nước thải cơ bản đạt kịch bản; riêng sản xuất và phân phối điện không đạt kế hoạch do các dự án nguồn điện trọng điểm chậm tiến độ.

Một số ngành, lĩnh vực có dư địa tăng trưởng không còn nhiều. Quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ nên việc duy trì tốc độ tăng trưởng cao gặp nhiều khó khăn, đặc biệt khi mức nền so sánh của một số ngành đã tăng khá trong cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, rủi ro từ thiên tai, biến đổi khí hậu, hạn hán, mưa bão và thời tiết cực đoan trong các tháng cuối năm tiếp tục là yếu tố bất định lớn. Các hiện tượng này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hạ tầng giao thông, hệ thống điện và đời sống dân sinh, từ đó tác động bất lợi đến mục tiêu tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong năm 2026.

2. Kịch bản tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2026

2.1. Trên cơ sở kết quả ước thực hiện 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh điều chỉnh kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2026; Theo đó, để đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm đạt 10,6%, các quý tiếp theo cần duy trì mức tăng trưởng cao, dự kiến Quý III tăng 11,28%, Quý IV tăng 14,29% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng trưởng cao vào nửa cuối năm cho thấy nền kinh tế phụ thuộc lớn vào tiến độ triển khai các dự án động lực, giải ngân đầu tư công, sản xuất công nghiệp và hoạt động xây dựng.

2.2. *Sáu tháng cuối năm 2026* tăng trưởng dự kiến đạt 12,78% so với cùng kỳ; tương ứng với GRDP (giá so sánh 2020) tăng thêm là 6.987,4 tỷ đồng. Trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế; Khu vực dịch vụ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định, nhất là các ngành thương mại, vận tải, lưu trú, ăn uống và du lịch; nhu cầu tiêu dùng trong nước từng bước cải thiện, hoạt động giao thương, vận tải hàng hóa và dịch vụ du lịch mùa hè tăng trưởng tích cực, góp phần hỗ trợ tăng trưởng chung.

2.3. *Dư địa và động lực trong 6 tháng cuối năm, cụ thể các khu vực như sau*

2.3.1. *Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản* tăng 2,42%, tương ứng GRDP tăng thêm là 212,9 tỷ đồng; đóng góp 0,39 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung.



Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì vai trò trụ đỡ của nền kinh tế; tiếp tục đà tăng trưởng ổn định và tích cực trên hầu hết các lĩnh vực nhờ các giải pháp chuyển đổi cơ cấu kinh tế hiệu quả, kết hợp đồng bộ giữa tiến bộ kỹ thuật và công tác quản lý hiệu quả trong từng lĩnh vực. Cụ thể, năng suất trồng trọt và thủy sản bứt phá nhờ ứng dụng công nghệ cao cùng việc đẩy mạnh quản lý mã số vùng trồng, trong khi chăn nuôi và lâm nghiệp giữ vững đà phát triển nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh, mở rộng an toàn sinh học và bảo vệ rừng chặt chẽ để đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Nông nghiệp

+ Trồng trọt: Kỳ vọng thời tiết thuận lợi, không bị thiệt hại do bão lũ. Mở rộng cây ngắn ngày có giá trị. Tăng diện tích mô hình hữu cơ (rau, lúa, cây ăn quả). Sản lượng lương thực dự kiến trên 20,65 vạn tấn.

+ Chăn nuôi. Chăn nuôi. Kỳ vọng đàn lợn, bò, gia cầm đều ổn định, tỷ lệ tiêm phòng đạt trên 80% tổng đàn thực tế. Giá thị trường cao (dịp cuối năm, lễ...). Dịch bệnh (dịch tả lợn châu Phi) kiểm soát tốt. Khuyến khích mở rộng mô hình trang trại chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học, chăn nuôi liên kết. Hỗ trợ HTX sản xuất thức ăn tại chỗ. Tăng liên kết chuỗi (doanh nghiệp bao tiêu). Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 75.000 tấn.

- Lâm nghiệp: Diện tích rừng trồng gỗ lớn duy trì 23.547 ha và tiếp tục tăng thông qua triển khai chính sách hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn của tỉnh; ước trồng rừng thêm 14.849 ha; sản lượng khai thác rừng trồng 6 tháng cuối năm ước đạt 1,35 triệu m³ do người dân tập trung khai thác để trồng rừng kịp thời vụ cuối năm. Hỗ trợ chứng chỉ FSC cho doanh nghiệp, HTX trồng rừng; tập trung vào vùng nguyên liệu chế biến gỗ.

- Thủy sản: Kỳ vọng thời tiết thuận lợi cho khai thác và nuôi trồng. Tăng số chuyến biển của ngư dân trong năm và tăng diện tích nuôi trồng thủy sản, cá lồng (ven biển, vùng nước lợ). Tăng cường ứng dụng CNC trong cả khai thác và nuôi trồng thủy sản. Hỗ trợ khuyến khích tàu cá tham gia vùng biển xa, ra khơi bám biển dài ngày, QĐ 48. Tăng cường kiểm dịch giống, không để xảy ra dịch bệnh thủy sản. Kết nối tiêu thụ thủy sản. Sản lượng thủy sản ước đạt 72.017 tấn.

2.3.2. *Khu vực công nghiệp - xây dựng* tăng 24,63% tương ứng GRDP tăng thêm là 4.133,4 tỷ đồng; đóng góp 7,56 điểm phần trăm tăng trưởng. Tiếp tục là trụ cột của tăng trưởng kinh tế trong 6 tháng cuối năm. Trong đó:

- Công nghiệp tăng 30,21% tương ứng GRDP tăng thêm là 2.612,5 tỷ đồng, đóng góp 4,78 điểm phần trăm tăng trưởng; trong đó sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí là động lực tăng trưởng quan trọng, giữ vai trò là “đầu tàu” với tăng trưởng 6 tháng cuối năm là 70,33%, đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng chung (4,13 điểm phần trăm). Với số liệu trên cho thấy để đạt được mức tăng trưởng theo kế hoạch đề ra, các dự án năng lượng trọng điểm phải đảm bảo đi vào hoạt động đúng tiến độ.

Đây là mức tăng cần đạt để góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP cả năm 10,6%; tuy nhiên, khả năng hoàn thành còn phụ thuộc lớn vào tiến độ

đưa vào vận hành Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I và các dự án bổ sung năng lực sản xuất mới trong năm 2026.

Đối với công nghiệp chế biến, chế tạo, dự địa tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm chủ yếu đến từ việc phát huy công suất của các cơ sở sản xuất hiện có, các dự án đã đưa vào hoạt động từ năm 2025 và 10 dự án dự kiến bổ sung năng lực sản xuất mới trong năm 2026 (gồm 01 dự án sản xuất giấy, 04 dự án viên nén năng lượng, 02 dự án chế biến gỗ, 02 dự án may mặc và 01 dự án vật liệu xây dựng). Việc sớm hoàn thành, đưa các dự án này vào vận hành ổn định sẽ góp phần duy trì đà tăng trưởng của ngành, bù đắp một phần mức hụt giảm từ lĩnh vực sản xuất điện.

Đối với ngành sản xuất và phân phối điện, khả năng đóng góp vào tăng trưởng thấp hơn kịch bản đề ra do một số dự án nguồn điện tiếp tục chậm tiến độ. Dự án Thủy điện La Trọng dự kiến đưa vào vận hành sau khi hoàn thành thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực; Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I điều chỉnh thời gian phát điện thương mại nên sản lượng và mức đóng góp trong năm 2026 giảm đáng kể so với kế hoạch; các dự án điện gió LIG - Hướng Hóa 1 và Hướng Phùng 1 đã điều chỉnh tiến độ sang năm 2027, không còn khả năng bổ sung sản lượng điện theo kế hoạch năm 2026. Vì vậy, bên cạnh việc đôn đốc tiến độ các dự án năng lượng, cần tập trung thúc đẩy sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo, khai thác tối đa năng lực hiện có và sớm đưa các dự án mới vào hoạt động để tạo thêm động lực tăng trưởng trong những tháng cuối năm.

- Xây dựng tăng 18,7% tương ứng GRDP tăng thêm là 1.520,9 tỷ đồng; đóng góp 2,78 điểm phần trăm tăng trưởng.

Đầu tư công trở thành động lực chính trong 6 tháng cuối năm, nếu giải ngân đúng tiến độ các dự án² hạ tầng trọng điểm sẽ vừa tạo tổng cầu, vừa nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế, đặc biệt ở các dự án hạ tầng quy mô lớn, có tính lan tỏa cao. Việc đẩy mạnh giải ngân không chỉ trực tiếp đóng góp vào tăng trưởng ngành xây dựng và các ngành liên quan, mà còn tạo hiệu ứng “kéo” đối với đầu tư khu vực tư nhân, qua đó cải thiện năng lực sản xuất và kết nối hạ tầng trong trung và dài hạn.

Một số công trình, dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh: Dự án thành phần 1 - Đường ven biển thuộc dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3; Dự án thành phần

²Cảng hàng không Quảng Trị (tổng mức đầu tư 5.833 tỷ đồng); Khu bến cảng Mỹ Thủy (14.234 tỷ đồng); Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn (1.940 tỷ đồng); KCN Cam Liên (2.209 tỷ đồng); (Dự án thành phần 1- Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình tổng mức đầu tư 2.487 tỷ đồng; Đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông-Tây, tỉnh Quảng Trị - GĐ1 (gắn với đường tránh phía Đông Đông Hà) tổng mức đầu tư: 2.732 tỷ đồng...); Hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam (Trung tâm Dịch vụ hậu cần và logistics Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị: 785 tỷ đồng; Trục đường chính và hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị: 820 tỷ); Nhà ga hành khách T2 và mở rộng sân đỗ máy bay – Cảng hàng không Đồng Hới (1.844 tỷ); Dự án Cảng Tổng hợp quốc tế Hòn La (2.300 tỷ). Khu đô thị hỗn hợp ven biển Nhật Lệ (TMĐT kế hoạch 2026 là 1.250 tỷ); Khu đô thị hỗn hợp Trung tâm thành phố Đồng Hới, phía Tây Hồ Bàu Tró (TMĐT kế hoạch 2026 là 1.193 tỷ); Khu đô thị hỗn hợp phía Tây Sông Lệ Kỳ (TMĐT kế hoạch 2026 là 1.389 tỷ); Khu đô thị nam cầu dài (2.200 tỷ); LNG Hải Lăng giai đoạn 1 (tên cũ: Trung tâm điện khí LNG Hải Lăng giai đoạn 1) (TMĐT kế hoạch 2026 là 4.395 tỷ);

1: Đầu tư xây dựng Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn; Dự án Cảng hàng không Quảng Trị; Dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy; Dự án Nhà ga hành khách T2 và mở rộng sân đỗ máy bay - Cảng hàng không Đồng Hới; Dự án đầu tư xây dựng mở rộng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông đoạn Cam Lộ - La Sơn; Dự án GPMB Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Trị; Dự án đường ven biển kết nối Hành lang kinh tế Đông - Tây (giai đoạn 1); Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM), dự án thành phần tỉnh Quảng Trị; các dự án xây dựng các trường liên cấp khu vực biên giới; các dự án Khu đô thị, khu dân cư; các hạ tầng khu công nghiệp, dự án năng lượng...

- Khu vực dịch vụ tăng 9,07% tương ứng GRDP tăng thêm là 2.437,5 tỷ đồng; đóng góp 4,46 điểm phần trăm tăng trưởng.

Việc thực hiện chính sách điều chỉnh tiền lương từ ngày 01/7/2026 được kỳ vọng góp phần nâng cao thu nhập của người lao động, kích thích tiêu dùng trong nước, qua đó tạo động lực cho hoạt động thương mại, dịch vụ và sản xuất hàng tiêu dùng trong những tháng cuối năm. Đây là yếu tố hỗ trợ tích cực đối với tăng trưởng GRDP, đặc biệt ở khu vực dịch vụ. Các ngành đóng góp nổi bật là: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đóng góp 1,01 điểm phần trăm; Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc đóng góp 0,62 điểm phần trăm; Kho bãi vận tải góp 0,35 điểm phần trăm; Dịch vụ lưu trú và ăn uống đóng góp 0,32 điểm phần trăm; Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm đóng góp 0,44 điểm phần trăm; Giáo dục và đào tạo đóng góp 0,5 điểm phần trăm.

Đối với khu vực dịch vụ, cần tập trung khai thác các động lực mới từ thương mại, logistics và du lịch. Đặc biệt, ngày 15/7/2026, Cảng Mỹ Thủy đã chính thức đưa vào vận hành chuyến hàng đầu tiên, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong hình thành chuỗi logistics biển của tỉnh. Việc cảng đi vào khai thác không chỉ tạo thêm doanh thu vận tải, kho bãi, dịch vụ cảng biển và logistics ngay trong những tháng cuối năm mà còn góp phần giảm chi phí vận chuyển cho doanh nghiệp, mở rộng hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao hiệu quả khai thác Khu kinh tế Đông Nam, tạo thêm động lực cho các ngành thương mại, công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ phát triển. Cùng với đó, từ ngày 16/8/2026, đường bay Đồng Hới - Nha Trang, Đồng Hới - Hà Nội (Sun PhuQuoc Airways) dự kiến được đưa vào khai thác sẽ góp phần mở rộng kết nối hàng không, thu hút khách du lịch, thúc đẩy giao thương, phát triển các ngành thương mại, lưu trú, ăn uống, vận tải và các dịch vụ hỗ trợ, đồng thời tăng cường liên kết vùng và mở rộng cơ hội thu hút đầu tư.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm tăng 11,6%; theo kịch bản của ngành, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ thương mại cả năm 2026 dự ước đạt 79.737,6 tỷ đồng, tăng 12,26% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng cuối năm, tập trung thực hiện các chương trình kích cầu tiêu dùng, khuyến mại, xúc tiến

thương mại, ổn định nguồn cung và giá cả thị trường, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng thương mại cả năm.

- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,01% tương ứng tăng thêm 203,6 tỷ đồng; đóng góp 0,37 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung.

(Chi tiết Kịch bản tăng trưởng các khu vực cập nhật, điều chỉnh tại Phụ lục 1 kèm theo)

III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Quan điểm chỉ đạo

(1) Quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Chính phủ và Tỉnh ủy về mục tiêu tăng trưởng hai con số; xác định hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của toàn bộ hệ thống chính quyền tỉnh trong 6 tháng cuối năm.

(2) Đổi mới mạnh mẽ phương thức chỉ đạo, điều hành theo hướng quản trị bằng mục tiêu, điều hành bằng số liệu, đánh giá bằng kết quả và kiểm soát bằng sản phẩm đầu ra. Mỗi nhiệm vụ phải được lượng hóa thành chỉ tiêu cụ thể; mỗi chỉ tiêu phải xác định rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời hạn hoàn thành và kết quả đầu ra để theo dõi, đánh giá thường xuyên.

(3) Chuyển mạnh từ phương thức giao nhiệm vụ theo chức năng sang giao nhiệm vụ theo kết quả cuối cùng. Mỗi sở, ngành, địa phương không chỉ chịu trách nhiệm về việc hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn mà còn phải chịu trách nhiệm trực tiếp đối với mức độ đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng GRDP, thu ngân sách, giải ngân đầu tư công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển doanh nghiệp và các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

(4) Thực hiện nghiêm nguyên tắc **"một việc - một đầu mối - một người chịu trách nhiệm - một thời hạn hoàn thành - một kết quả cụ thể"**; kiên quyết khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, phối hợp hình thức hoặc chậm xử lý công việc. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, tháo gỡ khó khăn đối với các nhiệm vụ trọng điểm; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao.

(5) Lấy kết quả thực hiện làm căn cứ quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu; đồng thời là cơ sở xem xét thi đua, khen thưởng, điều động, bổ nhiệm, đánh giá cán bộ và xử lý trách nhiệm theo quy định.

(6) Phát huy tinh thần trách nhiệm, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức các cấp; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành với chính quyền cơ sở và doanh nghiệp; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để tạo đột phá trong thực hiện mục tiêu tăng trưởng.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Tập trung chỉ đạo, điều hành chủ động, linh hoạt, đồng bộ, kịp thời, hiệu

quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, trong đó chủ động rà soát, tổ chức triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ theo Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng “2 con số”; đồng thời tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

2.1. Điều hành thu chi ngân sách; đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và phát triển kết cấu hạ tầng

2.1.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách nhà nước theo từng địa bàn, từng lĩnh vực, từng khoản thu; kịp thời tham mưu UBND tỉnh các giải pháp điều hành thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, phân đầu hoàn thành và vượt mức dự toán thu ngân sách năm 2026.

Tham mưu điều hành chi ngân sách nhà nước bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, đúng dự toán được giao; triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết để ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, cải cách tiền lương, an sinh xã hội và các nhiệm vụ cấp bách.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng ngân sách của các đơn vị dự toán, kịp thời chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Chủ trì theo dõi, đôn đốc tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026; tham mưu UBND tỉnh giao chỉ tiêu giải ngân cho các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu, các chủ đầu tư; trước mắt đến 31/7/2026 tại Công văn số 3446/UBND-TH ngày 14/7/2026; thường xuyên cập nhật, cảnh báo các dự án giải ngân chậm để kịp thời chỉ đạo xử lý.

Tham mưu UBND tỉnh điều hành linh hoạt kế hoạch vốn đầu tư công; định kỳ rà soát, đề xuất điều chuyển vốn từ các dự án giải ngân chậm sang các dự án có tiến độ tốt, có khả năng hoàn thành trong năm, bảo đảm giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

Chủ trì rà soát, xử lý tài sản công, trụ sở làm việc, cơ sở nhà đất dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy; hướng dẫn việc bàn giao, tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng tài sản công đúng quy định; không để xảy ra thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước.

2.1.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đôn đốc tiến độ thực hiện các công trình giao thông, hạ tầng đô thị, khu đô thị, nhà ở xã hội và các dự án xây dựng trọng điểm của tỉnh; kịp thời tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai thi công.

Chủ trì kiểm tra, giám sát chất lượng công trình, tiến độ thi công, bảo đảm an toàn lao động, chất lượng xây dựng và hiệu quả đầu tư.

2.1.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đẩy nhanh công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và giao đất để triển khai các dự án đầu tư công; kịp thời tháo gỡ các khó khăn về đất đai, vật liệu san lấp và tài nguyên phục vụ thi công.

Đôn đốc tiến độ đầu tư các công trình thủy lợi, hồ chứa nước, công trình phòng chống thiên tai, bảo đảm phục vụ sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.1.4. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đẩy nhanh đầu tư, phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông và trung tâm dữ liệu phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

2.1.5. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp; phối hợp tháo gỡ khó khăn về đất đai, giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư và xây dựng để sớm đưa các dự án vào hoạt động.

Thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp; kịp thời báo cáo UBND tỉnh các khó khăn vượt thẩm quyền để xử lý.

2.1.6. Các chủ đầu tư, UBND các xã, phường, đặc khu

Xây dựng kế hoạch giải ngân chi tiết theo từng tháng đối với từng dự án; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về tiến độ thực hiện và kết quả giải ngân.

Chủ động giải quyết các khó khăn thuộc thẩm quyền; kịp thời báo cáo các nội dung vượt thẩm quyền để xử lý; không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm toàn diện nếu để xảy ra tình trạng giải ngân chậm, kéo dài hoặc làm ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng của tỉnh.

2.2. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực cho tăng trưởng

2.2.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Tham mưu UBND tỉnh rà soát toàn bộ các dự án động lực, dự án trọng điểm, dự án có khả năng đóng góp lớn cho GRDP năm 2026; phân loại theo từng nhóm vướng mắc để xây dựng kế hoạch xử lý cụ thể.

Tham mưu thành lập và duy trì hoạt động các tổ công tác chuyên đề theo từng nhóm dự án trọng điểm; theo dõi tiến độ hằng tuần, tổng hợp kết quả xử lý, kịp thời báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ.

Chủ trì tổ chức giao ban định kỳ với các chủ đầu tư, doanh nghiệp và địa phương để kịp thời xử lý các khó khăn liên quan đến thủ tục đầu tư, bố trí vốn, tiến độ thực hiện dự án.

Định kỳ báo cáo UBND tỉnh danh mục các dự án chậm tiến độ, nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý.

Theo dõi, đánh giá mức độ đóng góp của từng dự án vào tăng trưởng GRDP; tham mưu điều chỉnh kịch bản tăng trưởng phù hợp với tình hình thực tế.

2.2.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc về đất đai, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng đối với các dự án trọng điểm.

Đẩy nhanh việc xác định giá đất, hoàn thiện hồ sơ đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phục vụ triển khai các dự án đầu tư.

Chủ trì tháo gỡ khó khăn về khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các công trình trọng điểm.

Định kỳ báo cáo UBND tỉnh danh mục các dự án chậm tiến độ đã giao đất, cho thuê đất, nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý.

2.2.3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Rà soát, đẩy nhanh việc thẩm định thiết kế, dự toán, cấp phép xây dựng và các thủ tục chuyên ngành thuộc lĩnh vực xây dựng nhằm rút ngắn thời gian triển khai dự án.

Chủ trì kiểm tra hiện trường các dự án chậm tiến độ; phối hợp xử lý các khó khăn về kỹ thuật, chất lượng, vật liệu xây dựng và tiến độ thi công.

2.2.4. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Theo dõi, tháo gỡ khó khăn đối với các dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp; chủ động làm việc với các nhà đầu tư để đẩy nhanh tiến độ triển khai.

Định kỳ báo cáo UBND tỉnh danh mục các dự án chậm tiến độ, nguyên nhân và đề xuất giải pháp xử lý.

2.2.5. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Phối hợp rà soát các dự án kéo dài, chậm tiến độ, sử dụng đất không hiệu quả; kiến nghị xử lý trách nhiệm tổ chức, cá nhân liên quan.

Tăng cường thanh tra việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, đất đai và tài sản công; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi gây thất thoát, lãng phí.

2.3. Hỗ trợ phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng và thúc đẩy doanh nghiệp

2.3.1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Theo dõi sát tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp có quy mô lớn, các ngành hàng chủ lực và các sản phẩm có tỷ trọng đóng góp lớn vào GRDP; thường xuyên cập nhật tình hình sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu, đơn hàng và khả năng đóng góp của từng doanh

ng nghiệp, từng sản phẩm đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Theo dõi sát tiến độ triển khai các dự án năng lượng trọng điểm trên địa bàn, nhất là Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I, các dự án LNG, điện gió, điện mặt trời, thủy điện và hệ thống truyền tải điện. Chủ trì rà soát, phân loại và xây dựng phương án tháo gỡ đối với các dự án năng lượng chậm tiến độ; yêu cầu các chủ đầu tư cam kết tiến độ thực hiện, định kỳ báo cáo kết quả triển khai.

Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ Trạm biến áp 500kV Lao Bảo, Trạm cắt 500kV Quảng Trị 2, các tuyến đường dây 500kV, 220kV, 110kV và các công trình đấu nối nhằm bảo đảm giải tỏa công suất các dự án điện.

Kịp thời tham mưu UBND tỉnh giải quyết các khó khăn liên quan đến cơ chế, chính sách, quy hoạch, đấu nối, giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư các dự án năng lượng.

Chủ trì rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp về nguyên liệu đầu vào, thị trường tiêu thụ, lao động, vốn, logistics, chi phí sản xuất và các thủ tục hành chính; chủ động phối hợp các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh giải quyết kịp thời, không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Xây dựng cơ chế theo dõi tăng trưởng công nghiệp theo từng tháng; kịp thời cảnh báo đối với các ngành, sản phẩm có nguy cơ giảm sản lượng để đề xuất giải pháp điều hành phù hợp.

Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp năng lượng, vật liệu mới và các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, phát triển sản xuất theo hướng xanh, tuần hoàn và phát thải thấp.

Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế; tăng cường kết nối cung - cầu, xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm công nghiệp trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

2.3.2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đôn đốc tiến độ đầu tư hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; ưu tiên hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông kết nối, hệ thống cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải và hạ tầng logistics.

Chủ động làm việc với các nhà đầu tư chiến lược để tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án công nghiệp động lực, dự án sản xuất quy mô lớn và các dự án chế biến, chế tạo.

Thường xuyên rà soát tiến độ các dự án trong khu kinh tế, khu công nghiệp; tham mưu UBND tỉnh xử lý các trường hợp chậm triển khai, vi phạm tiến độ hoặc sử dụng đất không hiệu quả theo quy định.

Phối hợp với các cơ quan liên quan xúc tiến thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu

tiên các dự án công nghệ cao, công nghiệp xanh, công nghiệp hỗ trợ, logistics và năng lượng tái tạo.

2.3.3. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Tăng cường quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; nâng cao chất lượng công tác thẩm định, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình và tiến độ thi công.

Thực hiện công bố, cập nhật kịp thời giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng và đơn giá nhân công xây dựng; hướng dẫn tháo gỡ khó khăn về chi phí xây dựng cho các chủ đầu tư và doanh nghiệp.

Đôn đốc tiến độ các dự án nhà ở xã hội; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao.

2.3.4. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước khu vực 9 chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện các giải pháp giảm mặt bằng lãi suất cho vay hợp lý; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng.

Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh; ưu tiên vốn cho sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, công nghiệp chế biến, doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nông nghiệp công nghệ cao và các động lực tăng trưởng mới.

Triển khai hiệu quả Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ khó khăn về tín dụng cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ sản xuất.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng; phát triển thanh toán không dùng tiền mặt, bảo đảm an toàn hệ thống thanh toán và an ninh mạng.

2.3.5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh.

Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa và chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh.

Hỗ trợ xây dựng, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, thương hiệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn và truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm công nghiệp.

2.3.6. UBND các xã, phường, đặc khu

Chủ động nắm bắt tình hình hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn; kịp thời giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc.

Tạo điều kiện thuận lợi về giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật, lao động và an ninh trật tự để doanh nghiệp triển khai dự án đúng tiến độ. 

2.4. Kích cầu thương mại, dịch vụ và phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

2.4.1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 88/NQ-CP của Chính phủ về phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng và Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

Theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả thị trường; xây dựng phương án bảo đảm cân đối cung ứng hàng hóa thiết yếu trong mùa mưa bão, dịp lễ, tết và các thời điểm nhu cầu tăng cao.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, kết nối cung cầu, phát triển thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu; hỗ trợ quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Tổ chức các hội chợ, triển lãm, tuần lễ hàng Việt, chương trình kết nối giao thương trong và ngoài nước; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ.

Chủ trì thực hiện các giải pháp thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm dệt may, da giày, chế biến gỗ, nông sản, thủy sản và các sản phẩm công nghiệp chủ lực.

2.4.2. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Công Thương, Chi cục Hải quan 9, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu

Tăng cường đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng cấm, hàng nhập lậu và vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, găm hàng, tăng giá bất hợp lý; tăng cường kiểm soát hoạt động thương mại điện tử và kinh doanh trên môi trường mạng.

Phối hợp bảo đảm an ninh, trật tự tại các trung tâm thương mại, khu du lịch, cửa khẩu và các sự kiện xúc tiến thương mại lớn.

2.4.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Trị theo từng thị trường mục tiêu; ưu tiên thị trường Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Ấn Độ, châu Âu và Bắc Mỹ.

Tăng cường tổ chức các chương trình xúc tiến du lịch trực tiếp và trực tuyến; tham gia các hội chợ, diễn đàn du lịch quốc tế; phát huy hiệu quả truyền thông số và hợp tác với các hãng truyền thông, nền tảng số.

Cơ cấu lại sản phẩm du lịch theo hướng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa trải nghiệm; phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch lịch sử - tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng.

Triển khai hiệu quả chương trình kích cầu du lịch nội địa; tăng cường liên kết giữa hàng không, đường sắt, doanh nghiệp lữ hành, cơ sở lưu trú và các khu, điểm du lịch để xây dựng các gói sản phẩm hấp dẫn. 

Xây dựng hệ sinh thái du lịch thông minh; hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu du lịch Quảng Trị theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp và đa ngôn ngữ.

2.4.4. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đôn đốc tiến độ các dự án du lịch nghỉ dưỡng, sân golf, khu vui chơi giải trí và các dự án dịch vụ quy mô lớn trong khu kinh tế ven biển.

Chủ động tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư; rút ngắn thời gian xử lý thủ tục thuộc thẩm quyền để sớm đưa dự án vào khai thác.

2.4.5. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực du lịch; tăng cường kết nối với các cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và các địa phương nước ngoài nhằm quảng bá hình ảnh, thu hút khách du lịch và nhà đầu tư.

Phối hợp nghiên cứu, đề xuất mở rộng hợp tác, xúc tiến các đường bay quốc tế và tăng cường kết nối du lịch qua các cửa khẩu quốc tế trên địa bàn tỉnh.

2.4.6. UBND các xã, phường, đặc khu

Phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương; nâng cao chất lượng dịch vụ, môi trường du lịch, bảo đảm an ninh, an toàn và văn minh du lịch.

Chủ động phối hợp với doanh nghiệp khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và làng nghề để hình thành các sản phẩm du lịch mới; khuyến khích người dân tham gia phát triển du lịch cộng đồng, góp phần nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế địa phương.

2.5. Phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu

2.5.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch sản xuất nông, lâm, thủy sản phù hợp với kịch bản tăng trưởng của tỉnh, điều kiện thời tiết, biến đổi khí hậu và diễn biến thị trường; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích.

Theo dõi chặt chẽ tình hình sản xuất, năng suất, sản lượng các ngành hàng chủ lực; xây dựng kịch bản tăng trưởng chi tiết theo từng lĩnh vực, từng địa phương; kịp thời tham mưu UBND tỉnh các giải pháp điều hành nhằm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Tăng cường công tác dự báo, giám sát, phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và thủy sản; chuẩn bị đầy đủ vật tư, hóa chất, vắc xin, phương án ứng phó thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn và các tình huống bất thường.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn và nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. 

Hỗ trợ xây dựng, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và phát triển thương hiệu nông sản của tỉnh phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân; phát triển các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến và xuất khẩu.

Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, quy mô trang trại, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, nuôi biển, khai thác hải sản xa bờ gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tăng cường liên kết chế biến và tiêu thụ thủy sản.

Triển khai đồng bộ các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); thực hiện nghiêm các khuyến nghị của Ủy ban Châu Âu (EC); phấn đấu sớm gỡ cảnh báo "Thẻ vàng" đối với thủy sản Việt Nam.

Đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững; thực hiện hiệu quả các chương trình bảo vệ và phát triển rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng; tăng cường phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

Chủ trì tham mưu đẩy nhanh công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ triển khai các dự án đầu tư; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai.

Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản, tài nguyên nước; xử lý nghiêm các hành vi khai thác trái phép, gây thất thoát tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng, cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai theo phương châm "đúng, đủ, sạch, sống"; thực hiện đồng bộ với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường; kiểm soát chặt chẽ nguồn thải từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất và vùng nuôi trồng thủy sản tập trung; nâng cao hiệu quả công tác hậu kiểm về môi trường.

Quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả hệ thống hồ chứa, công trình thủy lợi, trạm bơm, cống đầu mối; chủ động tích trữ nguồn nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai, chống xói lở bờ sông, bờ biển, thích ứng với biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn hồ đập trong mùa mưa bão.

2.5.2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học, công nghệ trong

sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa trong sản xuất và quản lý.

Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh, hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử và chuyển đổi số trong quản lý sản xuất nông nghiệp.

2.5.3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan kết nối tiêu thụ nông sản, thủy sản; mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm và thương mại điện tử.

2.5.4. UBND các xã, phường, đặc khu

Chỉ đạo tổ chức sản xuất theo khung thời vụ; chủ động phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện từng địa phương.

Chịu trách nhiệm về tiến độ thực hiện các chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường và phòng, chống thiên tai trên địa bàn.

2.6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và chuyển đổi số

2.6.1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Chủ trì tham mưu UBND tỉnh triển khai đồng bộ Chương trình cải cách hành chính năm 2026; rà soát, cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp theo mục tiêu Chính phủ giao.

Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện phân cấp, phân quyền; hướng dẫn các cơ quan, địa phương triển khai hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp; kịp thời tham mưu xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Chủ trì đánh giá kết quả cải cách hành chính; nâng cao các chỉ số PAR INDEX, SIPAS và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; gắn kết quả cải cách hành chính với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá cán bộ, công chức.

Hoàn thiện vị trí việc làm, khung năng lực và hệ thống đánh giá cán bộ theo chỉ số KPI; nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính và trách nhiệm của người đứng đầu.

2.6.2. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công; tăng tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình; tăng cường công khai, minh bạch và giám sát việc giải quyết thủ tục hành chính.

Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; định kỳ công khai kết quả thực hiện của từng cơ quan, đơn vị.

2.6.3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Triển khai đồng bộ các chương trình phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và các công nghệ số trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành trên môi trường số.

Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

2.6.4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Chủ trì tham mưu các cơ chế, chính sách cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư và phát triển kinh tế tư nhân.

Theo dõi, đánh giá chất lượng thực hiện các chính sách hỗ trợ đầu tư; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

2.6.5. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

Đẩy nhanh giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, môi trường, khoáng sản; rút ngắn thời gian giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phục vụ các dự án đầu tư.

Thực hiện công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các thông tin đất đai nhằm tạo thuận lợi cho nhà đầu tư tiếp cận quỹ đất.

2.6.6. Các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu

Chủ động rà soát, đơn giản hóa quy trình nội bộ; đẩy mạnh giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử; tăng tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng và trước hạn.

Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ các khó khăn trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh; nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng chậm giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, sách nhiễu hoặc làm giảm các chỉ số cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh và chuyển đổi số của tỉnh.

2.7. Công tác thông kê, dữ liệu và phục vụ điều hành

2.7.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:
Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kịch bản tăng trưởng từng tháng, quý; kịp thời tham mưu các giải pháp điều hành bổ sung khi có biến động, đặc biệt các giải pháp điều hành đối với các chỉ tiêu tăng trưởng có nguy cơ không đạt kịch bản.

2.7.2. Thống kê tình chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

Phối hợp với Cục Thống kê nghiên cứu, rà soát việc áp dụng các quy định, phương pháp thống kê và cập nhật đầy đủ các hoạt động kinh tế theo quy định hiện hành, bảo đảm tính đầy đủ, chính xác của số liệu GRDP, phản ánh đúng quy mô, chất lượng và tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Theo dõi, tổng hợp, phân tích diễn biến tình hình kinh tế - xã hội; kịp thời cung cấp thông tin, số liệu thống kê phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, đồng thời cảnh báo sớm những ngành, lĩnh vực, địa bàn có nguy cơ không đạt mục tiêu tăng trưởng đề ra để các cơ quan, đơn vị chủ động đề ra giải pháp phù hợp.

Chủ trì xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kịch bản tăng trưởng GRDP theo quý và 6 tháng cuối năm; phân tích mức đóng góp của từng ngành, lĩnh vực vào tăng trưởng GRDP, làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, điều hành nhằm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng đã đề ra.

Phối hợp với các sở, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu tăng cường kiểm tra, rà soát chất lượng thông tin đầu vào phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê; bảo đảm số liệu tổng nhất, đồng bộ giữa các cơ quan, phản ánh đầy đủ kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thường xuyên cập nhật, tổng hợp các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế; chủ động đề xuất với UBND tỉnh các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng đối với những ngành, lĩnh vực có dư địa và tiềm năng đóng góp lớn vào GRDP.

2.8. UBND các xã, phường, đặc khu

Chủ động theo dõi, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; rà soát, cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các dự án đầu tư trên địa bàn, đặc biệt là các dự án, cơ sở sản xuất mới phát sinh, mở rộng quy mô hoặc tạm ngừng hoạt động.

Phối hợp chặt chẽ với Thống kê tỉnh, các sở, ngành và đơn vị liên quan trong việc cung cấp thông tin, rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu phục vụ biên soạn các chỉ tiêu thống kê, bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời, phản ánh đúng thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội được giao; phân tích nguyên nhân tăng, giảm của từng ngành, lĩnh vực và đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng trên địa bàn. Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và công chức phụ trách lĩnh vực kinh tế, tài chính, thống kê phối hợp chặt chẽ với cơ quan thống kê trong công tác điều tra thống kê, thu thập, cập nhật thông tin về kinh tế, xác minh số liệu theo yêu cầu.

Tăng cường quản lý địa bàn, kịp thời nắm bắt các yếu tố có tác động đến tăng trưởng kinh tế; định kỳ và đột xuất báo cáo UBND tỉnh (qua Thống kê tỉnh và Sở Tài chính) về tình hình thực hiện các chỉ tiêu, những khó khăn, vướng mắc

và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng của tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, dữ liệu kinh tế - xã hội phát sinh trên địa bàn; chủ động cập nhật các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dự án đầu tư, hoạt động dịch vụ mới phát sinh hoặc có biến động, kịp thời cung cấp cho Thống kê tỉnh để phục vụ biên soạn GRDP và các chỉ tiêu thống kê của tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo việc tổ chức thực hiện Kịch bản này. Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo lĩnh vực được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thuộc phạm vi phụ trách; kịp thời xử lý hoặc báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với những khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền. Định kỳ hằng tháng tổ chức kiểm tra thực địa đối với các nhiệm vụ, dự án trọng điểm và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Kịch bản này và các phụ lục kèm theo; chủ động xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết theo từng tháng, từng quý; phân công rõ đơn vị, cá nhân phụ trách; xác định rõ tiến độ, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành.

Thường xuyên rà soát, kiểm tra tiến độ thực hiện; chủ động tháo gỡ hoặc đề xuất các cơ quan có thẩm quyền tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh; không để tình trạng chậm trễ, đùn đẩy trách nhiệm hoặc né tránh trong quá trình tổ chức thực hiện. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải trực tiếp chỉ đạo đối với các nhiệm vụ trọng tâm, các dự án có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh; kết quả thực hiện là căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, bình xét thi đua, khen thưởng và xem xét trách nhiệm theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; trực tiếp chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu tăng trưởng, thu ngân sách, giải ngân đầu tư công, giải phóng mặt bằng, cải cách hành chính, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Căn cứ các chỉ tiêu tỉnh giao, khẩn trương xây dựng kế hoạch thực hiện theo từng tháng, từng quý; phân công cụ thể đến từng phòng, ban, cán bộ phụ trách; tăng cường kiểm tra hiện trường, đối thoại với doanh nghiệp và người dân để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; chủ động giải quyết ngay các nội dung thuộc thẩm quyền, không chờ hết thời hạn mới xử lý, không để phát sinh điểm nghẽn làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện mục tiêu tăng trưởng của tỉnh.

4. Chế độ báo cáo và kiểm tra, giám sát

a) Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu được giao nhiệm vụ có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện **định kỳ trước ngày 20 hằng tháng** gửi Sở Tài chính để tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện

kịch bản tăng trưởng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với các nhiệm vụ trọng điểm, các dự án có nguy cơ không bảo đảm tiến độ hoặc các vấn đề phát sinh ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu tăng trưởng GRDP, các cơ quan, đơn vị phải báo cáo ngay, không chờ đến kỳ báo cáo định kỳ; đồng thời đề xuất cụ thể phương án xử lý, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị có liên quan.

b) Sở Tài chính là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện; chủ trì phối hợp với Thống kê tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả thực hiện kịch bản tăng trưởng theo từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa bàn; kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh các giải pháp điều hành khi cần thiết.

Định kỳ hằng tháng tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ; công khai kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị theo quy định để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

c) Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kịch bản này; tổng hợp các nội dung chậm tiến độ để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

d) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung vượt thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính để tổng hợp) xem xét, chỉ đạo giải quyết; tuyệt đối không để việc chậm báo cáo làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng của tỉnh.

Yêu cầu các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu nghiêm túc triển khai thực hiện./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đảng ủy UBND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, TH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh



Phụ lục I

Kịch bản tăng trưởng GRDP năm 2026 và đóng góp của các khu vực vào tăng trưởng GRDP năm 2026
(Cập nhật, điều chỉnh) Theo giá so sánh 2020

(Kèm theo Công văn số: **3224** /UBND-TH ngày **28** /7/2026 của UBND tỉnh)

Chỉ tiêu tăng trưởng	Quý 1	Quý 2	6 tháng	Quý 3	9 tháng	Quý 4	6 tháng cuối năm	Cả năm	Điểm đóng góp vào tăng trưởng năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì theo dõi, chỉ đạo	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
GRDP	8,13	8,07	8,10	11,28	9,26	14,29	12,78	10,60	10,60			
Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,91	3,96	3,94	2,47	3,41	2,36	2,42	3,20	0,56	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Văn Bảo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
Khu vực công nghiệp và xây dựng	8,91	13,44	11,36	21,53	15,32	27,62	24,63	18,87	5,47			
Công nghiệp	7,56	13,89	10,88	26,06	16,37	34,15	30,21	21,27	3,34	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Tiến	Sở Công Thương/ Ban Quản lý Khu Kinh tế	
Xây dựng	10,92	12,87	12,01	16,78	14,04	20,57	18,70	16,02	2,12	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Phong Phú	Sở Xây dựng	
Khu vực dịch vụ	8,79	7,09	7,91	8,50	8,12	9,62	9,07	8,52	4,22			

Chỉ tiêu tăng trưởng	Quý 1	Quý 2	6 tháng	Quý 3	9 tháng	Quý 4	6 tháng cuối năm	Cả năm	Điểm đóng góp vào tăng trưởng năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì theo dõi, chỉ đạo	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	8,74	8,42	8,58	8,75	8,64	9,22	9,01	8,82	0,35	Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Hoàng Nam	Sở Tài chính	
Phân theo ngành cấp I												
A, Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3,91	3,96	3,94	2,47	3,41	2,36	2,42	3,20	0,56	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Văn Bảo	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
B, Khai khoáng	8,38	9,57	9,01	6,13	7,93	5,83	5,99	7,38	0,07	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Tiến	Sở Công Thương	
C, Công nghiệp chế biến, chế tạo	13,05	11,64	12,30	7,20	10,48	6,20	6,67	9,25	0,79	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Tiến	Sở Công Thương	
D, Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	0,14	18,42	9,51	56,78	26,70	84,02	70,33	41,87	2,47	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Tiến	Sở Công Thương	
E, Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	4,30	5,49	4,95	3,77	4,52	2,76	3,29	4,08	0,01	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Phong Phú	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường	

Chỉ tiêu tăng trưởng	Quý 1	Quý 2	6 tháng	Quý 3	9 tháng	Quý 4	6 tháng cuối năm	Cả năm	Điểm đóng góp vào tăng trưởng năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì theo dõi, chỉ đạo	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
F, Xây dựng	10,92	12,87	12,01	16,78	14,04	20,57	18,70	16,02	2,12	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Phong Phú	Sở Xây dựng	
G, Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9,61	10,34	9,98	10,53	10,16	10,46	10,49	10,23	1,06	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Tiến	Sở Công Thương	
H, Vận tải kho bãi	8,67	8,38	8,53	8,64	8,57	9,52	9,06	8,81	0,34	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Tiến	Sở Công Thương	
I, Dịch vụ lưu trú và ăn uống	11,27	9,48	10,29	11,19	10,63	10,00	10,71	10,50	0,33	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Xuân Tân	Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
J, Thông tin và truyền thông	6,88	6,58	6,72	6,54	6,66	7,78	7,16	6,95	0,27	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Xuân Tân	Sở Khoa học và Công nghệ	
K, Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7,61	7,65	7,63	8,15	7,82	9,12	8,70	8,24	0,39	Chủ tịch UBND tỉnh Lê Hồng Vinh	Sở Tài chính	
L, Hoạt động kinh doanh bất động sản	5,34	5,32	5,33	5,34	5,33	6,91	6,14	5,79	0,36	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Phan Phong Phú	Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi	

Chỉ tiêu tăng trưởng	Quý 1	Quý 2	6 tháng	Quý 3	9 tháng	Quý 4	6 tháng cuối năm	Cả năm	Điểm đóng góp vào tăng trưởng năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì theo dõi, chỉ đạo	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
											trường	
M, Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	5,90	6,28	6,10	9,68	7,49	9,44	9,55	8,12	0,14	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Xuân Tân	Sở Khoa học và Công nghệ	
N, Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	8,09	10,22	9,16	15,49	11,23	13,57	14,70	11,66	0,09	Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Hoàng Nam	Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
O, Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị- xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	14,51	-0,28	6,94	7,07	6,99	12,50	10,14	8,72	0,51	Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Hoàng Nam	Sở Tài chính	
P, Giáo dục và đào tạo	9,20	8,14	8,61	8,90	8,71	10,00	9,45	9,05	0,49	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Xuân Tân	Sở Giáo dục và Đào tạo	
Q, Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	5,23	5,03	5,11	6,49	5,56	7,18	6,85	5,99	0,13	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Xuân Tân	Sở Y tế	
R, Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	7,78	8,91	8,30	11,19	9,49	12,67	11,92	10,39	0,06	Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hoàng Xuân Tân	Sở Văn hóa, Thể thao và	

Chỉ tiêu tăng trưởng	Quý 1	Quý 2	6 tháng	Quý 3	9 tháng	Quý 4	6 tháng cuối năm	Cả năm	Điểm đóng góp vào tăng trưởng năm 2026	Lãnh đạo UBND tỉnh chủ trì theo dõi, chỉ đạo	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Ghi chú
										Xuân Tân	Du lịch	
S, Hoạt động dịch vụ khác	3,32	5,28	4,23	8,09	5,44	8,75	8,41	6,19	0,05	Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Hoàng Nam	Sở Tài chính	
T, Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	7,01	8,48	7,77	8,50	8,00	8,50	8,50	8,13	0,00	Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh Hoàng Nam	Sở Tài chính	

* Ghi chú: Các chỉ tiêu do Thống kê tỉnh chủ trì tính toán

Phụ lục II
Tổng giá trị sản phẩm ước tính năm 2026 trên địa bàn xã, phường, đặc khu
(Theo giá so sánh 2020)

(Kèm theo Công văn số: **3724**/UBND-TH ngày **28**/7/2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tổng giá trị sản phẩm			Tốc độ tăng so với cùng kỳ (%)		
		Ước tính 6 tháng đầu năm 2026	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026	Mục tiêu cả năm 2026	Ước tính 6T đầu năm 2026	Nhiệm vụ tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2026	Mục tiêu phấn đấu tăng trưởng cả năm 2026
1	Phường Đồng Hới	9.842.311	15.374.268	25.216.579	10,55	16,80	14,28
2	Phường Đồng Thuận	2.987.422	3.768.787	6.756.209	10,23	11,10	10,71
3	Phường Đồng Sơn	1.562.695	1.852.401	3.415.096	9,40	8,20	8,74
4	Xã Minh Hóa	777.795	974.801	1.752.596	6,53	7,81	7,24
5	Xã Kim Phú	371.819	357.175	728.994	5,57	7,11	6,32
6	Xã Kim Điền	189.831	206.346	396.177	6,03	6,42	6,23
7	Xã Tân Thành	167.715	178.950	346.665	7,52	7,73	7,63
8	Xã Dân Hóa	220.819	251.461	472.280	6,69	6,64	6,67
9	Xã Tuyên Lâm	452.626	485.414	938.040	6,72	6,21	6,46
10	Xã Tuyên Sơn	303.011	344.709	647.720	6,94	6,82	6,88
11	Xã Đồng Lê	869.916	984.390	1.854.306	7,33	7,40	7,37
12	Xã Tuyên Phú	383.685	398.189	781.874	6,49	6,70	6,59
13	Xã Tuyên Bình	445.173	506.547	951.720	7,24	7,84	7,56
14	Xã Tuyên Hóa	2.352.434	3.157.792	5.510.226	10,01	14,11	12,32
15	Phường Ba Đồn	1.518.266	2.262.088	3.780.354	10,05	10,38	10,25
16	Phường Bắc Gianh	1.452.867	1.557.907	3.010.774	8,93	9,59	9,27
17	Xã Nam Ba Đồn	651.600	719.913	1.371.514	7,95	8,37	8,17
18	Xã Nam Gianh	921.491	1.038.733	1.960.224	8,15	8,86	8,53
19	Xã Phú Trạch	4.753.487	6.233.254	10.986.741	17,10	61,10	38,57
20	Xã Hòa Trạch	934.396	1.042.653	1.977.049	8,42	8,81	8,62
21	Xã Trung Thuần	524.524	542.676	1.067.200	7,06	8,70	7,89
22	Xã Quảng Trạch	874.034	990.060	1.864.094	7,16	7,47	7,33
23	Xã Tân Gianh	690.195	786.341	1.476.536	7,58	9,06	8,36
24	Xã Hoàn Lão	2.045.551	2.620.279	4.665.830	8,38	9,45	8,98
25	Xã Nam Trạch	1.178.987	1.337.629	2.516.616	7,45	7,97	7,73
26	Xã Đông Trạch	1.079.356	1.089.559	2.168.915	7,39	8,02	7,70
27	Xã Bắc Trạch	1.722.079	2.717.574	4.439.652	7,46	7,77	7,65
28	Xã Bố Trạch	1.072.841	841.405	1.914.246	7,37	6,51	6,99
29	Xã Phong Nha	1.124.616	1.189.792	2.314.408	7,91	8,19	8,05

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tổng giá trị sản phẩm			Tốc độ tăng so với cùng kỳ (%)		
		Ước tính 6 tháng đầu năm 2026	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026	Mục tiêu cả năm 2026	Ước tính 6T đầu năm 2026	Nhiệm vụ tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2026	Mục tiêu phấn đấu tăng trưởng cả năm 2026
30	Xã Thượng Trạch	198.083	233.437	431.520	7,51	6,41	6,91
31	Xã Quảng Ninh	1.680.028	1.497.059	3.177.087	8,88	10,04	9,42
32	Xã Ninh Châu	1.429.256	1.809.869	3.239.125	7,59	8,51	8,11
33	Xã Trường Ninh	1.153.813	1.314.783	2.468.595	6,82	8,16	7,53
34	Xã Trường Sơn	408.555	420.536	829.091	6,54	6,55	6,54
35	Xã Lệ Ninh	1.137.939	1.340.131	2.478.070	7,55	8,94	8,30
36	Xã Lệ Thủy	1.365.610	1.359.155	2.724.766	6,83	8,55	7,68
37	Xã Cam Hồng	979.496	1.029.568	2.009.064	6,89	9,29	8,10
38	Xã Sen Ngư	981.733	1.260.862	2.242.595	7,49	8,64	8,13
39	Xã Tân Mỹ	833.545	933.596	1.767.141	7,73	7,64	7,68
40	Xã Trường Phú	1.049.293	1.186.848	2.236.141	6,27	7,51	6,93
41	Xã Kim Ngân	476.981	540.876	1.017.857	6,25	6,59	6,43
42	Phường Đông Hà	2.496.275	3.022.551	5.518.826	8,96	9,24	9,11
43	Phường Nam Đông Hà	4.073.493	4.961.854	9.035.347	10,08	10,24	10,17
44	Xã Vĩnh Linh	1.796.675	2.035.383	3.832.058	10,07	9,97	10,02
45	Xã Bến Quan	409.686	468.652	878.338	8,40	8,97	8,70
46	Xã Cửa Tùng	1.378.424	1.416.187	2.794.611	7,24	8,47	7,86
47	Xã Vĩnh Thủy	798.742	910.282	1.709.023	8,18	8,65	8,43
48	Xã Vĩnh Hoàng	732.222	713.297	1.445.519	5,86	6,93	6,39
49	Đặc khu Cồn Cỏ	33.141	39.082	72223,32409	8,14	8,02	8,07
50	Xã Hướng Hiệp	690.188	803.096	1.493.284	9,09	8,52	8,78
51	Xã Ba Lòng	182.137	212.959	395.096	7,20	7,77	7,51
52	Xã Đakrông	644.360	808.288	1.452.648	7,97	8,83	8,45
53	Xã Tà Rụt	293.200	359.788	652.988	6,98	6,87	6,92
54	Xã La Lay	185.603	221.534	407.137	6,45	6,91	6,70
55	Xã Diên Sanh	1.433.037	1.569.414	3.002.451	9,30	9,42	9,36
56	Xã Hải Lăng	1.059.319	1.187.970	2.247.289	8,44	8,84	8,65
57	Xã Nam Hải Lăng	619.457	688.320	1.307.777	7,72	7,98	7,86
58	Xã Vĩnh Định	783.446	885.585	1.669.031	7,78	8,88	8,36
59	Xã Mỹ Thủy	795.959	868.600	1.664.558	26,54	29,01	27,82
60	Xã Khe Sanh	2.591.867	3.223.173	5.815.040	9,05	11,16	10,21
61	Xã Tân Lập	319.103	411.836	730.940	6,44	6,57	6,51
62	Xã Lao Bảo	1.705.912	1.863.430	3.569.342	10,09	10,27	10,18
63	Xã Lìa	332.650	435.576	768.226	8,02	7,50	7,72
64	Xã A Dơi	215.007	288.274	503.280	7,65	7,37	7,48

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tổng giá trị sản phẩm			Tốc độ tăng so với cùng kỳ (%)		
		Ước tính 6 tháng đầu năm 2026	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026	Mục tiêu cả năm 2026	Ước tính 6T đầu năm 2026	Nhiệm vụ tăng trưởng 6 tháng cuối năm 2026	Mục tiêu phần đầu tăng trưởng cả năm 2026
65	Xã Hướng Phùng	848.680	1.037.308	1.885.988	8,18	8,60	8,41
66	Xã Hướng Lập	222.152	248.216	470.368	8,54	8,55	8,54
67	Xã Gio Linh	2.248.434	2.788.559	5.036.993	10,04	10,75	10,43
68	Xã Cửa Việt	969.822	1.141.910	2.111.732	8,45	9,00	8,75
69	Xã Cồn Tiên	668.708	708.851	1.377.560	6,27	6,74	6,51
70	Xã Bến Hải	540.654	598.067	1.138.721	5,50	6,37	5,96
71	Xã Cam Lộ	1.507.498	1.651.386	3.158.884	8,41	8,47	8,44
72	Xã Hiếu Giang	1.330.209	1.520.853	2.851.063	7,96	8,46	8,22
73	Phường Quảng Trị	1.362.333	1.650.861	3.013.193	9,47	9,98	9,75
74	Xã Triệu Phong	841.314	940.665	1.781.979	7,88	9,12	8,53
75	Xã Ái Tử	664.326	666.855	1.331.181	6,44	7,30	6,87
76	Xã Triệu Bình	684.244	778.847	1.463.091	7,29	7,63	7,47
77	Xã Triệu Cơ	693.496	715.439	1.408.935	6,31	7,22	6,77
78	Xã Nam Cửa Việt	656.412	681.990	1.338.402	7,83	8,02	7,93